TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/KDTM-PT.
Ngày: 04 - 7 - 2022.
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán gạo.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Dương Quốc Tuấn.

Ông Võ Hoàng Khải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 01 và 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLPT-KDTM ngày 11 tháng 11 năm 2021, về "Tranh chấp hợp đồng mua bán gạo".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2021/KDTM-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2022/QĐPT-KDTM ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 03/2022/ QĐPT-KDTM ngày 17 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty CT.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn C - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: Số E, đường Y, phường V, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Tr, sinh năm 1988. (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/10/2020).

Địa chỉ: Số 1, đường 2, phường F, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần T - Công ty T, Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Công ty MT.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn T - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1982. (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/4/2021).

Địa chỉ: Số 1, đường 2, phường F, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Người kháng cáo: Công ty MT.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn Công ty CT (sau đây viết tắt Công ty CT) trình bày: Từ tháng 02/2016 đến tháng 04/2016 giữa Công ty CT và Công ty MT (sau đây viết tắt Công ty MT) có ký kết các hợp đồng mua bán gạo cụ thể: Hợp đồng số 04/NSCT/2016 ngày 22/02/2016; Hợp đồng số 08/NSCT/2016 ngày 28/3/2016; Hợp đồng số 10/NSCT/2016 ngày 31/3/2016; Hợp đồng số 11/NSCT/2016 ngày 05/4/2016; Hợp đồng số 12/NSCT/2016 ngày 05/4/2016 với tổng số lượng gạo là 6.500 tấn và tổng giá trị các hợp đồng nêu trên là 55.450.000.000 đồng.

Theo đó, Công ty CT đã tạm ứng cho Công ty MT với số lượng là 90% giá trị hợp đồng tương đương số tiền 49.905.000.575 đồng. Sau khi, Công ty CT thanh toán tiền tạm ứng thì phía Công ty MT chỉ giao hàng nhỏ giọt không đủ số lượng so với thỏa thuận đã ký và tính đến ngày 30/6/2020 thì Công ty MT còn nợ lại Công ty CT với số lượng gạo tương đương số tiền gốc là 23.012.606.075 đồng. Đến nay thì Công ty MT vẫn chưa thanh toán hết.

Nay phía Công ty CT yêu cầu Công ty MT phải thanh toán số nợ gốc còn lại là 23.012.606.075 đồng. Đồng thời, buộc Công ty MT phải có nghĩa vụ trả lãi do chậm thanh toán, tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 05/10/2016 cho đến nay với mức lãi suất là 10.5%/năm, tương đương số tiền 14.546.778.528 đồng và tiền phạt 5% do vi phạm hợp đồng với số tiền là 2.772.500.000 đồng. Tổng cộng số tiền mà Công ty MT phải thanh toán cho Công ty CT là 40.331.334.056 đồng.

Bị đơn Công ty MT do ông Nguyễn T đại diện theo pháp luật trình bày: Ông thống nhất giữa Công ty MT và Công ty CT có ký các hợp đồng mua bán như đã nêu trên và tính đến hiện tại Công ty MT còn nợ lại Công ty CT số tiền vốn gốc là 23.012.606.075 đồng. Việc Công ty CT yêu cầu Công ty MT phải thanh toán số

nợ gốc và tiền phạt do vi phạm hợp đồng thì phía Công ty MT thống nhất nhưng yêu cầu xem xét lại mốc thời gian vi phạm, riêng đối với phần lãi phát sinh do chậm thanh toán mà phía Công ty CT yêu cầu thì Công ty MT không thống nhất do có thời gian 02 năm phía Công ty CT đã yêu cầu giải quyết bên Cơ quan điều tra dẫn đến việc Công ty MT bị mất khách hàng và cũng không còn hoạt động nên không thể thanh toán đầy đủ số tiền cho Công ty CT. Do đó đối với số tiền lãi phát sinh thì phía Công ty MT đề nghị Công ty CT xem xét lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty MT phải thanh toán tiền nợ gốc, tiền phạt vi phạm và tiễn lãi chậm thanh toán tính từ ngày 05/10/2016 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2021/KDTM-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty CT đối với Công ty MT.

Buộc Công ty MT có nghĩa vụ trả cho Công ty CT tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/3/2021 là 39.819.590.317 (Ba mươi chín tỷ tám trăm mười chín triệu năm trăm chín mươi nghìn ba trăm mười bảy) đồng, trong đó nợ gốc là 23.012.606.075 (Hai mươi ba tỷ không trăm mười hai triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn không trăm bảy mươi lăm) đồng, lãi suất là 14.034.484.242 (Mười bốn tỷ không trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi hai) đồng và tiền phạt vi phạm là 2.772.500.000 (Hai tỷ bảy trăm bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần án phí và các quyền khác của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/4/2021, Công ty MT có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, do có những vi phạm tố tụng nghiêm trọng trong việc thu thập, xác minh, điều tra và

đánh giá chứng cứ liên quan đến yêu cầu tính lãi và yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm đương sự trình bày:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Trần T trình bày: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thanh toán, với mức lãi suất quá hạn10,5%/năm có lợi cho bị đơn, nếu tính theo phần lãi suất dân sự đến 20%/năm. Do số tiền tạm ứng là số tiền của vốn nhà nước nên đã đồng ý tính từ tháng 10/2016 giảm dần trên số dư nợ còn lại theo số tiền mà bị đơn có nghĩa vụ trả và đồng ý theo mốc tính lãi của bản án sơ thẩm. Trong 05 hợp đồng kinh tế có ghi rõ phần phạt vi phạm hợp đồng, bị đơn không giao hàng đúng hạn là đã vi phạm hợp đồng nên bị đơn phải chịu phạt 5% trên tổng giá trị của 05 hợp đồng kinh tế. Trong đơn khởi kiện nguyên đơn có ghi yêu cầu phần lãi tạm tính và nay yêu cầu được tính lãi đến ngày xét xử phúc thẩm. Về thời hiệu khởi kiện là 02 năm được tính khi 02 bên tiến hành thỏa thuận và làm việc tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ vào ngày 09/7/2020, bị đơn cam kết giao tài sản cho nguyên đơn hoặc vay vốn Ngân hàng để thanh toán nợ nhưng bị đơn không thực hiện nên nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn T trình bày: Thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo là xin rút lại yêu cầu hủy bản án sơ thẩm nay yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn theo hướng:

- Vấn đề giải quyết công nợ: Biên bản làm việc vào ngày 05/10/2016, hai bên chốt số nợ gốc không đề cập lãi suất; cấp sơ thẩm tính lãi suất của thương mại khi các bên đã chấm dứt hợp đồng kinh tế là không đúng. Bị đơn đồng ý trả tiền lãi do chậm thanh toán, tiền lãi phát sinh với mức lãi suất là 10.5%/năm được tính từ ngày chốt công nợ ngày 05/10/2016 cho đến ngày cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết đơn tố cáo của nguyên đơn.

- Không đồng ý phạt vi phạm: Bởi lẽ trong quá trình thực hiện hợp đồng bên bị đơn đã đề nghị được gia hạn và nguyên đơn đã đồng ý nhận hàng hóa. Khi các bên chốt nợ thì 5 hợp đồng kinh tế không còn phát sinh hiệu lực chuyển sang khoản nợ dân sự thì các bên không có thỏa thuận tính lãi suất nên không lấy điều

kiện của hợp đồng kinh tế để phạt vi phạm hợp đồng.

- Về thời hiệu khởi kiện theo Luật thương mại là 02 năm kể từ ngày phát sinh hành vi vi phạm nhưng nguyên đơn cho rằng bị đơn vi phạm hợp đồng từ tháng 5 tháng 6 năm 2016 nhưng không khởi kiện đã hết thời hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng, từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận 01 phần kháng cáo của bị đơn, theo đó: Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số nợ gốc là 23.012.606.075 (Hai mươi ba tỷ không trăm mười hai triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn không trăm bảy mươi lăm) đồng, cùng lãi suất là 14.034.484.242 (Mười bốn tỷ không trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi hai) đồng; và chịu phạt vi phạm 5% trên số nợ gốc là 23.012.606.075 (Hai mươi ba tỷ không trăm mười hai triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn không trăm bảy mươi lăm) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, Công ty MT kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273, Điều 274, Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty CT và Công ty MT có thỏa thuận khi các bên phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết. Tuy nhiên, sự thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết là không đúng thẩm quyền nên việc thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp của các bên không có hiệu lực. Xét thấy, bị đơn có trụ sở tại huyện C nên căn cứ tại Điều 35, Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện C, thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Xét nội dung kháng cáo của Công ty MT, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Công ty CT và Công ty MT có ký kết các hợp đồng mua bán gạo cụ thể: Hợp đồng số 04/NSCT/2016 ngày 22/02/2016; Hợp đồng số 08/NSCT/2016 ngày 28/3/2016; Hợp đồng số 10/NSCT/2016 ngày 31/3/2016; Hợp đồng số 11/NSCT/2016 ngày 05/4/2016; Hợp đồng số 12/NSCT/2016 ngày 05/4/2016 với

tổng số lượng gạo là 6.500 tấn và tổng giá trị các hợp đồng nêu trên là 55.450.000.000 đồng. Theo đó, Công ty CT đã tạm ứng cho Công ty MT trước 90% giá trị hợp đồng tương đương số tiền 49.905.000.575 đồng

[3.2] Theo các Hợp đồng được ký kết thì Công ty MT phải giao đủ số lượng gạo theo thỏa thuận đã ký kết, thời điểm giao hàng là trong tháng 5 - 6/2016 và thời gian giao hàng cụ thể là sau 7 ngày kể từ ngày Công ty CT có văn bản yêu cầu giao hàng, phía Công ty MT có yêu cầu gia hạn thời điểm giao hàng vào cuối tháng 8/2016 và được Công ty CT đồng ý, nhưng sau khi nhận được văn bản đề nghị giao hàng trước ngày 27/8/2016 của Công ty CT thì phía Công ty MT đã không giao hàng theo thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm hợp đồng.

[3.3] Về yêu cầu phạt vi phạm: Căn cứ các hợp đồng kinh tế đã ký có thỏa thuận việc một bên vi phạm hợp đồng phải chịu phạt vi phạm là 5% giá trị của các hợp đồng. Căn cứ vào Điều 310 của Luật Thương mại năm 2005: "*Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thoả thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ...*". Do đó việc Công ty CT yêu cầu phạt vi phạm 5% giá trị hợp đồng theo thỏa thuận tại Điều 4 các hợp đồng kinh tế nêu trên với số tiền 2.772.500.000 đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng hợp đồng kinh tế đã chấm dứt khi hai bên chốt nợ ngày 05/10/2016, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù các bên có nhiều biên bản đối chiếu công nợ và biên bản làm việc liên quan đến số tiền tạm ứng trong 05 hợp đồng kinh tế, nhưng cả 05 hợp đồng này bị đơn đều vi phạm không thực hiện đúng thỏa thuận theo hợp đồng kinh tế nào, mục đích các bên đối chiếu công nợ là đối chiếu số tiền tạm ứng của 05 hợp đồng kinh tế, mặc khác hai bên chưa có biên bản thanh lý hợp đồng, số tiền tạm ứng không tách rời 05 hợp đồng kinh tế, giả sử nếu các hợp đồng kinh tế được thực hiện đầy đủ thì phía nguyên đơn phải trả cho bị đơn số tiền 55.450.000.000 đồng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do vậy việc bị đơn cho rằng hợp đồng kinh tế đã chấm dứt để không phạt vi phạm hợp đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.4] Về lãi do chậm thanh toán: Công ty MT chỉ đồng ý trả lãi do chậm thanh toán, tiền lãi phát sinh với mức lãi suất là 10.5%/năm được tính từ ngày các bên chốt công nợ ngày 05/10/2016 cho đến ngày cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ thụ lý đơn tố cáo của Công ty CT. Sau ngày Cơ quan cảnh sát điều tra thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết tố cáo thì không đồng ý trả trả lãi

do chậm thanh toán vì thời gian này Công ty MT không thể hoạt động sản xuất kinh doanh được.

Xét thấy, bị đơn không chứng minh được việc Cơ quan cảnh sát điều tra thành phố Cần Thơ khi tiến hành thụ lý giải quyết tố cáo đã có văn bản áp dụng khẩn cấp tạm thời về việc buộc Công ty MT ngưng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như phía bị đơn không chứng minh được thiệt hại giảm sút do có đơn tố cáo của nguyên đơn, nên lý do của Công ty MT đưa ra là không có căn cứ chấp nhận.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo số tiền giảm dần từng lần bị đơn giao hàng và trả tiền là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Xét thấy sau khi bị đơn vi phạm hợp đồng thì nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận phương án trả nợ và có ghi nhận ý kiến của các bên tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ vào thời điểm năm 2020, do bị đơn không thực hiện đúng theo cam kết nên nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư của nguyên đơn: Yêu cầu được tính lãi phát sinh từ ngày xét xử sơ thẩm đến ngày ngày xét xử phúc thẩm là vượt quá phạm vi kháng cáo nên không có căn cứ để xem xét.

Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang đề nghị tính lãi phạt vi phạm hợp đồng trên số tiền 23.012.606.075 đồng theo biên bản làm việc ngày 09/7/2020 tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền này là số tiền chốt nợ của khoản tạm ứng của hợp đồng kinh tế chứ không phải là giá trị của toàn bộ 05 hợp đồng kinh tế các bên đã ký kết, nên không chấp nhận ý kiến này của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Đối với cách tuyên lãi chậm trả do cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự là có sự nhầm lẫn, nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho đúng với quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005, việc điều chỉnh này không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn là Công ty MT kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận, chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 300, Điều 301, Điều 306 của Luật Thương mại 2005.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty MT.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty CT.

1. Buộc Công ty MT có nghĩa vụ trả cho Công ty CT tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/3/2021 là 39.819.590.317 (Ba mươi chín tỷ tám trăm mười chín triệu năm trăm chín mươi nghìn ba trăm mười bảy) đồng, (trong đó nợ gốc là 23.012.606.075 (Hai mươi ba tỷ không trăm mười hai triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn không trăm bảy mươi lăm) đồng, lãi suất là 14.034.484.242 (Mười bốn tỷ không trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi hai) đồng và tiền phạt vi phạm là 2.772.500.000 (Hai tỷ bảy trăm bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc bị đơn Công ty MT phải chịu 147.819.000 (Một trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm mười chín nghìn) đồng.

Nguyên đơn Công ty CT được nhận lại số tiền 75.275.000 (Bảy mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005652 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Buộc Công ty MT phải chịu 2.000.000 (Hai triệu đồng). Chuyển 2.000.000 (Hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008872 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 04 tháng 7 năm 2022.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS Châu Thành A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Bích Hạnh